

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 40/2026/HNGĐ-ST

Ngày 14/4/2026

“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Phước Tỷ

2. Ông Lê Hoàng Vũ

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Thị Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6, tỉnh An Giang:** Không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh An Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 95/2026/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 3 năm 2026 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Thị Ngọc Á, sinh năm 1987.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Thanh H, sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã V, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh H: Ông Sử Hữu H1, sinh năm 1975; địa chỉ Ấp V, xã V, tỉnh An Giang.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 3 năm 2026 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thị Ngọc Á trình bày:

Về hôn nhân: Chị Thị Ngọc Á và anh Trần Thanh H (Sau đây gọi tắt là chị Á, anh H) tự quen biết và tự nguyện tiến đến hôn nhân được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới ngày 09/7/2025, đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Chị Á, anh H chung sống được khoảng 06 tháng thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng nhiều quan điểm sống trong cuộc sống, không hợp nhau. Mâu thuẫn giữa chị Á, anh H kéo dài không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không còn tình cảm với nhau nên chị Á yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị Á, anh H không có con chung.

Về chia tài sản chung: Chị Á, anh H không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Thanh H trình bày:
Anh H thống nhất với lời trình bày của chị Á, chị Á yêu cầu ly hôn anh đồng ý, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống không hợp. Mặc dù, vợ chồng anh H, chị Á nhiều lần hàn gắn nhưng không thành.

Về con chung: Anh H, chị Á không có con chung.

Về chia tài sản chung: Anh H, chị Á không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Á, bị đơn anh H thống nhất thuận tình ly hôn do bất đồng quan điểm sống, không hợp; chị Á, anh H không có con chung, không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn anh H – Ông Sử Hữu H1 có quan điểm: Anh H, chị Á chung sống với nhau từ ngày 09/7/2025 đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và tại phiên tòa anh, chị thuận tình ly hôn. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng Điều 9 và Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên chị Á, anh H không phải là vợ chồng; về con chung và chia tài sản chung anh H, chị Á không có, nên đề nghị HĐXX miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn của vợ chồng, bị đơn có nơi cư trú trên địa giới hành chính xã V, tỉnh An Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh An Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị Á, anh H tự nguyện tiến đến hôn nhân và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới ngày 09/7/2025, chung sống đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, quan hệ hôn nhân của chị Á, anh H là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Chị Á, anh H xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống trong cuộc sống, không hợp. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Á, anh H thuận tình ly hôn. Do chị Á, anh H không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên HĐXX căn cứ Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Á và anh H.

Về con chung: Chị Á, anh H không có con chung, HĐXX miễn xét.

Về chia tài sản chung: Chị Á, anh H không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX miễn xét.

Xét lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, ông Sử Hữu H1 phù hợp với nhận định của HĐXX, có căn cứ nên chấp nhận.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Thị Ngọc Á và anh Trần Thanh H.

2. Về con chung: Chị Á, anh H không có con chung.

3. Về chia tài sản chung: Chị Á, anh H không có tài sản chung, nợ chung và anh, chị cũng không nợ ai không yêu cầu Tòa án xem xét nên HĐXX miễn xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Thị Ngọc Á phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Á đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo lai thu số 303068 ngày 12/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 6;
- THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Hoàng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Danh Hoàng